



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 2 NĂM 2013

Tháng 7 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		973.098.338.478	864.598.820.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	482.181.524.326	368.738.035.739
1. Tiền	111		37.241.168.874	83.741.901.742
2. Các khoản tương đương tiền	112		444.940.355.452	284.996.133.997
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.376.791.095	18.376.791.095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49.900.000.000	49.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	7	(31.523.208.905)	(31.523.208.905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.621.232.643	422.218.952.305
1. Phải thu khách hàng	131		61.614.474.106	95.226.748.657
2. Trả trước cho người bán	132		6.260.900.124	9.624.244.947
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	289.215.025.030	315.130.198.652
4. Các khoản phải thu khác	135		16.145.233.383	3.852.160.049
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.614.400.000)	(1.614.400.000)
IV. Hàng tồn kho	140		51.572.975.284	23.731.891.654
1. Hàng tồn kho	141	9	51.572.975.284	23.731.891.654
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.345.815.130	31.533.149.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		52.321.500	134.675.808
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.032.031.919	30.504.746.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		71.200.711	71.200.711
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		190.261.000	822.526.143
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		735.081.627.766	754.904.811.568
I. Tài sản cố định	220		131.694.215.812	134.187.987.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.607.287.182	33.318.917.931
- Nguyên giá	222		70.544.253.568	72.503.177.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.936.966.386)	(39.184.259.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227		100.119.267.051	100.146.498.537
- Nguyên giá	228	11	100.680.022.269	100.680.022.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(560.755.218)	(533.523.732)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	967.661.579	722.570.671
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		436.059.420.573	449.221.703.305
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	403.199.463.324	416.361.746.056
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	30.859.957.249	30.859.957.249
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		167.327.991.381	171.495.121.124
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	166.307.991.381	170.475.121.124
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.020.000.000	1.020.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.708.179.966.244	1.619.503.631.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		556.264.392.039	406.499.936.368
I. Nợ ngắn hạn	310		546.820.547.281	396.804.591.610
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	265.304.055.376	117.989.145.264
2. Phải trả người bán	312		109.539.909.694	157.224.485.245
3. Người mua trả tiền trước	313		2.217.628.840	1.443.245.412
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	8.450.383.416	2.688.931.575
5. Phải trả người lao động	315		7.538.319.572	14.222.098.137
6. Chi phí phải trả	316		6.169.534.585	1.858.888.554
7. Phải trả nội bộ	317		33.561.865.360	40.123.054.473
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		62.403.577.632	3.458.101.216
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		51.635.272.806	57.796.641.734
II. Nợ dài hạn	330		9.443.844.758	9.695.344.758
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.443.844.758	9.695.344.758
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.151.915.574.205	1.213.003.695.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.151.915.574.205	1.213.003.695.215
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		133.918.052.614	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	42.911.651.986
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(9.150.605.990)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		84.695.402.338	84.695.402.338
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		42.911.651.986	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		191.970.467.267	267.768.306.580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.708.179.966.244	1.619.503.631.583

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại USD	2.295,13	874.274,43

Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ 01/01 đến 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/13 đến 30/06/13

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế		MÃ SỐ B 02-DN	
			Năm 2013		Năm 2013		Đơn vị: VND	
							Quý 2	Lũy kế
							Năm 2012	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	469.576.714.669	865.139.490.271	389.160.822.611	882.725.277.097		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		90.909.091	90.909.091	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		469.485.805.578	865.048.581.180	389.160.822.611	882.725.277.097		
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	440.551.729.540	810.618.268.917	361.234.829.677	822.082.181.596		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.934.076.038	54.430.312.263	27.925.992.934	60.643.095.501		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	28.850.958.355	38.970.525.992	38.553.206.480	65.779.088.253		
7. Chi phí tài chính	22	21	5.262.083.824	7.023.890.006	14.670.105.784	20.046.167.347		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.484.550.052	5.709.646.131	14.636.677.422	19.987.270.793		
8. Chi phí bán hàng	24		12.930.106.376	22.358.866.212	8.535.828.564	20.040.897.122		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.817.809.258	20.776.713.692	10.526.413.485	27.339.431.914		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.775.034.935	43.241.368.345	32.746.851.581	58.995.687.371		
11. Thu nhập khác	31		755.556.312	755.597.112	3.173.507.959	3.175.508.214		
12. Chi phí khác	32		897.419.932	932.940.017	1.111.604.769	1.111.604.769		
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(141.863.620)	(177.342.905)	2.061.903.190	2.063.903.445		
14. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.633.171.315	43.064.025.440	34.808.754.771	61.059.590.816		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	6.417.049.534	8.749.441.681	4.770.705.373	8.443.806.282		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.216.121.781	34.314.583.759	30.038.049.398	52.615.784.534		


Cao Thanh Hùng

Người lập biểu
Ngày 25 tháng 7 năm 2013


Đào Văn Đại

Kế toán trưởng



Phòng Tuấn Hà
Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/13 đến 30/06/13

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng Năm 2013	6 tháng Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>43.064.025.440</i>	<i>61.059.590.816</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.191.013.119	2.446.839.397
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03	-	(2.455.860.000)
Chi phí lãi vay	05	(37.176.022.597)	(65.098.586.966)
	06	5.709.646.131	19.987.270.793
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>13.788.662.093</i>	<i>15.939.254.040</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	38.634.982.362	(259.698.750.714)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(27.841.083.630)	66.309.216.802
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.095.333.877	(164.037.097.948)
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.167.129.743	4.366.679.512
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.709.646.131)	(19.298.085.946)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.306.383.051)	(8.572.638.641)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.961.368.928)	(4.446.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>16.867.626.335</i>	<i>(369.437.422.895)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(52.188.182)	(4.838.950.630)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	478.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.200.000.000)	(3.005.441.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	30.362.282.732	114.551.700.000
Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	31.926.131.287	22.913.954.834
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>45.036.225.837</i>	<i>130.099.263.204</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	419.446.209.717	594.120.390.759
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(272.131.299.605)	(177.650.208.857)
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		14.709.718.303	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(110.484.992.000)	(79.346.997.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>51.539.636.415</i>	<i>337.123.184.902</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>113.443.488.587</i>	<i>97.785.025.211</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>368.738.035.739</i>	<i>99.849.241.355</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>482.181.524.326</i>	<i>197.634.266.566</i>



Cao Thanh Hùng

Người lập biểu

Ngày 25 tháng 7 năm 2013



Đào Văn Đại

Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà

Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều lần 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 109 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 105).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo
Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2013 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá tiền thuê kho Hồ Nai – Đồng Nai được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê kho theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	630.076.085	694.921.339
Tiền gửi ngân hàng	36.611.092.789	83.046.980.403
Các khoản tương đương tiền (i)	444.940.355.452	284.996.133.997
	<u>482.181.524.326</u>	<u>368.738.035.739</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (i)	10.400.000.000	10.400.000.000
	<u>49.900.000.000</u>	<u>49.900.000.000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Trading") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn Dầu khí đang trong quá trình quyết toán với cơ quan Thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp, năm 2012, 2013 không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên bảng cân đối kế toán.

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1.641.016.490	1.641.016.490
	<u>31.523.208.905</u>	<u>31.523.208.905</u>

8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

Thẻ hiện khoản phải thu các công ty con trong Tổng công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ dụng cụ	16.107.493	-
Hàng mua đang đi đường	2.915.589.600	10.975.647.848
Hàng hóa	48.641.278.191	12.756.243.806
	<u>51.572.975.284</u>	<u>23.731.891.654</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện, vận tải VND	Dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	57.616.939.197	2.129.746.373	8.027.265.991	4.729.226.299	72.503.177.860
Mua trong năm	-	-	-	52.188.182	52.188.182
Tăng giảm do quyết toán TSCD	(837.833.534)	572.659.284	-	-	(265.174.250)
Giảm theo TT 45-BTC	(115.299.378)	(164.648.185)	(22.317.000)	(1.443.673.661)	(1.745.938.224)
Tại ngày 30/06/2013	56.663.806.285	2.537.757.472	8.004.948.991	3.337.740.820	70.544.253.568
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	29.846.849.756	2.095.224.498	3.359.869.266	3.882.316.409	39.184.259.929
Khấu hao trong năm	886.506.332	380.493.427	524.548.850	372.233.024	2.163.781.633
Giảm theo TT 45-BTC	(97.070.354)	(156.781.228)	(19.713.350)	(1.137.510.244)	(1.411.075.176)
Tại ngày 30/06/2013	30.636.285.734	2.318.936.697	3.864.704.766	3.117.039.189	39.936.966.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2013	26.027.520.551	218.820.775	4.140.244.225	220.701.631	30.607.287.182
Tại ngày 01/01/2013	27.770.089.441	34.521.875	4.667.396.725	846.909.890	33.318.917.931

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 14.711.685.566 VND (31 tháng 12 năm 2012 là 13,479,824,987 VND).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	100.112.600.381	567.421.888	100.680.022.269
Tăng khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2013	100.112.600.381	567.421.888	100.680.022.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	533.523.732	533.523.732
Khấu hao trong năm	-	27.231.486	27.231.486
Tăng khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2013	-	560.755.218	560.755.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2013	100.112.600.381	6.666.670	100.119.267.051
Tại ngày 01/01/2013	100.112.600.381	33.898.156	100.146.498.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	722.570.671	12.749.302.996
Tăng trong năm	245.090.908	4.779.959.720
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	16.806.692.045
Tại ngày 31 tháng 03	967.661.579	722.570.671

Chi tiết theo công trình:

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202.211.970	202.211.970
Dự án 41D Vũng Tàu	276.670.418	31.579.510,00
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	488.779.191	488.779.191,00
	967.661.579	722.570.671

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	79,87%	79,87%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89%	89%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88,20%	88,20%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	50%	50%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty CP Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	Tp. HCM	58%	60%	Bán lẻ

Tổng Công ty sở hữu 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh, tuy nhiên, Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của công ty này (3/5 thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này là người đại diện của Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312199038 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp. Vốn điều lệ 15.000.000.000 VNĐ, trong đó TCT góp 7.650.000.000 VNĐ (51%) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí góp 1.350.000.000 VNĐ (9%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113.600.000.000	113.600.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	31.681.662.678	31.681.662.678
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội	-	30.362.282.732
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	64.341.999.232	64.341.999.232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	95.230.000.000	95.230.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	66.160.637.417	66.160.637.417
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	9.985.163.997	9.985.163.997
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	14.550.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	7.650.000.000	-
	403.199.463.324	416.361.746.056

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	14.359.957.249
	30.859.957.249	30.859.957.249

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	164.175.119.991	168.314.405.579
Thuê kho Hồ Nai	2.132.871.390	2.160.715.545
	166.307.991.381	170.475.121.124

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng VCB (USD)	6.400.836.000	107.989.145.264
Ngân hàng VCB (VND)	-	10.000.000.000
Ngân hàng Indovina	97.343.737.536	-
Ngân hàng VP Bank	118.357.125.220	-
Ngân hàng ANZ	43.202.356.620	-
	265.304.055.376	117.989.145.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.788.738.106	346.501.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.417.049.534	1.973.990.904
Thuế thu nhập cá nhân	244.595.776	368.439.569
	8.450.383.416	2.688.931.575

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/06/2013
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	346.501.102	3.356.831.743	1.914.594.739	1.788.738.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.973.990.904	8.749.441.681	4.306.383.051	6.417.049.534
Thuế thu nhập cá nhân	368.439.569	2.949.408.634	3.073.252.427	244.595.776
Thuế, phí và lệ phí phải nộp khác	-	104.209.653	104.209.653	-
	2.688.931.575	15.159.891.711	9.398.439.870	8.450.383.416

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Tổng số cổ phần làm cổ phiếu quỹ tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 788.880 cổ phần với giá trị là 9.150.605.990 đồng, trong năm TCT đã bán hết toàn bộ cổ phiếu quỹ 788.880 cổ phần.

	30/06/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	788.880
+ Cổ phiếu phổ thông	-	788.880
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 13 ngày 27 tháng 11 năm 2012, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/06/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ như sau	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	33.678.648.352	(9.150.605.990)	22.812.736	65.617.423.945	-	253.983.801.940	1.170.931.021.284
Tăng trong năm	-	-	9.233.003.634	-	(22.812.736)	19.077.978.393	-	138.080.120.640	166.368.289.931
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	184.871.278.217	184.871.278.217
Trích bổ sung quỹ 2011	-	-	-	-	-	611.971.127	-	(4.383.568.342)	(3.771.597.215)
Tạm trích quỹ 2012	-	-	9.233.003.634	-	-	18.466.007.266	-	(42.407.589.235)	(14.708.578.335)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(22.812.736)	-	-	-	(22.812.736)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	124.295.616.000	124.295.616.000
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	124.295.616.000	124.295.616.000
Số dư tại ngày 31/12/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	42.911.651.986	(9.150.605.990)	-	84.695.402.338	-	267.768.306.580	1.213.003.695.215
Tăng trong năm	-	5.559.112.313	-	9.150.605.990	-	-	42.911.651.986	34.687.152.687	92.308.522.976
Bán cổ phiếu quỹ	-	5.559.112.313	-	9.150.605.990	-	-	-	-	14.709.718.303
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	34.314.583.759	34.314.583.759
Điều chuyển, tăng khác	-	-	-	-	-	-	42.911.651.986	372.568.928	43.284.220.914
Giảm trong năm	-	-	42.911.651.986	-	-	-	-	110.484.992.000	153.396.643.986
Trả cổ tức 2012	-	-	-	-	-	-	-	110.484.992.000	110.484.992.000
Điều chuyển	-	-	42.911.651.986	-	-	-	-	-	42.911.651.986
Số dư tại ngày 30/06/2013	698.420.000.000	133.918.052.614	-	-	-	84.695.402.338	42.911.651.986	191.970.467.267	1.151.915.574.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng 2013	6 tháng 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	829.391.088.406	835.465.417.347
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.748.401.865	47.259.859.750
	865.139.490.271	882.725.277.097

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	6 tháng 2013	6 tháng 2012
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	801.661.145.247	812.692.893.881
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.957.123.670	9.389.287.715
	810.618.268.917	822.082.181.596

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng 2013	6 tháng 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.476.980.326	37.514.870.904
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.122.308.365	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.937.537.301	28.264.217.349
Lãi bán ngoại tệ	1.433.700.000	-
	38.970.525.992	65.779.088.253

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng 2013	6 tháng 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.709.646.131	19.987.270.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.194.466.097	58.896.554
Chi phí tài chính khác	119.777.778	-
	7.023.890.006	20.046.167.347

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	6 tháng 2013	6 tháng 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.064.025.440	61.059.590.816
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	6.304.978.584	977.613.460
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.304.978.584	977.613.460
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	14.371.237.301	28.261.979.149
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(2.238.200)
- Cổ tức nhận được	14.371.237.301	28.264.217.349
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	34.997.766.723	33.775.225.127
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25%</i>	34.997.766.723	33.775.225.127
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	8.749.441.681	8.443.806.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

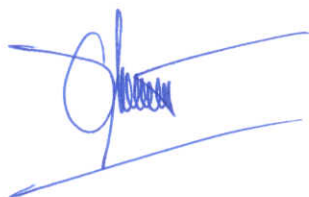
23. NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>6 tháng 2013</u>	<u>6 tháng 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Các đơn vị khác trong Tập đoàn	2.766.877.500	3.835.993.428
Mua hàng hóa dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.606.974.800	6.458.153.624
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	606.895.867.789	554.347.152.276
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	86.667.628.361	81.861.304.163
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	84.936.075.000	77.162.928.453

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ BÁN NIÊN
NĂM 2013 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2012**

Thực hiện theo thông tư 52/2012/TT-BTC, Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí giải trình biến động kết quả kinh doanh công ty mẹ 6 tháng năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012 như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2013 của công ty mẹ đạt được 865 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu do sản lượng hạt nhựa trong quý I giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

Lợi nhuận của công ty mẹ trong 6 tháng đầu năm 2013 đạt 34 tỷ đồng, giảm 18 tỷ đồng tương đương giảm 35% so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu là do doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh (41%) vì lợi nhuận và cổ tức trong 6 tháng đầu năm của các công ty con chưa chuyển về trong khi cùng kỳ năm ngoái một số công ty con đã chuyển lợi nhuận và cổ tức về cho công ty mẹ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Dào Văn Đại